TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ HƯƠNG T** TỈNH THỪA THIÊN H Số: 39/2018/QĐST-HNGĐ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *Hương Trà, ngày 30 tháng 5 năm 2018.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ TẠI PHIÊN TÒA

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HƯƠNG TRÀ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lê Vũ T.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Tú N;

2. Bà Trần Thị T.

Thừ ký phiên tòa: Ông Phan Văn V – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Hương T, tỉnh Thừa Thiên H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hương T tham gia phiên tòa: Ông Phan Anh G – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Hương T, tỉnh Thừa Thiên H xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 01/2018/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2018 về việc "ly hôn", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 17/5/2018, giữa các đương sự.

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn Q;

Địa chỉ: Thôn Vinh Đ, xã Bình Đ, thị xã Hương T, tỉnh Thừa Thiên H, có mặt;

2. Bị đơn: Chị Đặng Thị Mỹ D;

Địa chỉ: Thôn Vinh Đ, xã Bình Đ, thị xã Hương T, tỉnh Thừa Thiên H, có mặt;

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ngân hàng chính sách xã hội. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Văn T.

Địa chỉ: Phòng giao dịch Hương T, 69 Cách Mạng Tháng T, phường Tứ H, thị xã Hương T, tỉnh Thừa Thiên H.

- Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Cao Thọ H. Địa chỉ: Phòng giao dịch Bình Đ, thị xã Hương T, tỉnh Thừa Thiên H.

- Bà Hoàng Thị G, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Thôn Vinh Đ, xã Bình Đ, thị xã Hương T, tỉnh Thừa Thiên H.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên được chấp nhận.

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 59, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào các Điều 147, 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự.

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn Q và chị Đặng Thị Mỹ D

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Giao 02 cháu Nguyễn Thị Cát T, sinh ngày 19/8/2011 và cháu Nguyễn Thị Hương G, sinh ngày 16/10/2014 cho chị Đặng Thị Mỹ D nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi.

Anh Q cấp dưỡng tiền nuôi cháu Cát T mỗi tháng 2.000.000đ kể từ tháng 06/2018 cho đến khi cháu Cát T đủ 18 tuổi.

Quyền, nghĩa vụ của cha, mẹ và con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh Nguyễn Văn Q và chị Đặng Thị Mỹ D còn nợ Ngân hàng chính sách xã hội thị xã Hương T số tiền gốc 24.000.000đ; Nợ Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn phòng giao dịch Bình Đ, chi nhánh thị xã Hương T số tiền gốc 16.332.000đ và nợ bà Hoàng Thị G số tiền 13.000.000đ. Hai bên đương sự thỏa thuận như sau :

+ Anh Nguyễn Văn Q có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng chính sách xã hội 12.000.000đồng nợ gốc và tiền lãi phát sinh sau ngày 30/5/2018 trên số nợ gốc 12.000.000đ, cho đến khi trả hết các khoản nợ nói trên theo như hợp đồng vay vốn của chương trình cho vay hộ cận nghèo và chương trình cho vay nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn mà các bên đã thỏa thuận.

+ Anh Nguyễn Văn Q phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam 8.166.000đồng số tiền nợ gốc và tiền lãi phát sinh sau ngày 30/5/2018 trên số nợ gốc 8.166.000đ, cho đến khi trả hết các khoản nợ nói trên theo như hợp đồng vay vốn mà hai bên đã ký kết.

+Anh Nguyễn Văn Q phải có nghĩa vụ trả cho bà Hoàng Thị G số tiền 6.500.000đồng và bà Gắng không yêu cầu tính lãi suất.

+ Chị Đặng Thị Mỹ D có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng chính sách xã hội 12.000.000đồng nợ gốc và tiền lãi phát sinh sau ngày 30/5/2018 trên số nợ gốc 12.000.000đ, cho đến khi trả hết các khoản nợ nói trên theo như hợp đồng vay vốn của chương trình cho vay hộ cận nghèo và chương trình cho vay nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn mà các bên đã thỏa thuận.

+ Chị Đặng Thị Mỹ D phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam 8.166.000đồng số tiền nợ gốc và tiền lãi phát sinh sau ngày 30/5/2018 trên số nợ gốc 8.166.000đ, cho đến khi trả hết các khoản nợ nói trên theo như hợp đồng vay vốn mà hai bên đã ký kết.

+ Chị Đặng Thị Mỹ D phải có nghĩa vụ trả cho bà Hoàng Thị G số tiền 6.500.000đồng và bà Gắng không yêu cầu tính lãi suất.

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không chịu thi hành các khoản tiền nói trên thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu một khoản lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

5. Về án phí: Vì các đương sự không thỏa thuận được với nhau trước khi mở phiên tòa, do đó phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

- Anh Nguyễn Văn Q phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 009712 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hương T. Anh Q đã nộp đủ án phí ly hôn.

- Anh Nguyễn Văn Q phải chịu 300.000đ án phí tiền cấp dưỡng nuôi con và (12.000.000đ + 8.166.000đ + 6.500.000đ) x 5% = 1.333.300đ tiền án phí về khoản nợ chung.

- Chị Đặng Thị Mỹ D phải chịu (12.000.000đ + 8.166.000đ + 6.500.000đ) x 5% = 1.333.300đ tiền án phí về khoản nợ chung, nhưng được trừ 1.425.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 009732 ngày 13/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hương T. Chị D được hoàn trả 81.700đ;

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND Thừa Thiên H;*
- *VKSND;*
- *THA;*
- *UBND xã Bình Đ*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Vũ Tiến